TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 624/2024/DS-PT
Ngày: 09 - 12 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

*Các Thẩm phán:*Bà Nguyễn Thị Rẻn

Ông Phan Thanh Tòng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Vũ Duy Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2024/TLPT- DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4472/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Quốc V, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Minh Nghĩa, xã Ngãi Đăng, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn:

2.1. Ông Mai Văn Đ, sinh năm 1962 (có mặt)

2.2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1965 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố 6, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Mai Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trương Quốc V trình bày:

Vào ngày 02/11/2016, ông có lập hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi vịt với ông Đ và bà C. Hợp đồng mua bán có bên bán là ông đại diện ký, bên mua do bà C đại diện ký. Thời gian mua bán từ ngày 02/11/2016 đến ngày 21/12/2019. Khi hai bên ngừng mua bán thì ông Đ, bà C còn nợ lại ông số tiền là 166.030.000 đồng. Ông đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông Đ, bà C vẫn không thực hiện. Ông có yêu cầu địa phương hòa giải và ông Đ có viết một tờ cam kết hẹn cuối năm 2024 sẽ trả số tiền 10.000.000 đồng, đến năm 2025 thì mỗi tháng trả 1.000.000 đồng nhưng ông không đồng ý.

Ông khởi kiện yêu cầu ông Mai Văn Đ, bà Lê Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền nợ thức ăn chăn nuôi là 166.030.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/12/2019 đến ngày ông Đ, bà C trả xong các khoản nợ với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Bị đơn ông Mai Văn Đ trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian hai bên bắt đầu và kết thúc việc mua bán, ông thừa nhận hiện nay ông và bà C còn nợ lại ông V số tiền thức ăn chăn nuôi là 166.030.000 đồng. Ông và bà C đồng ý liên đới trả cho ông V số tiền này.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày 21/12/2019 đến ngày trả xong các khoản nợ với mức lãi suất 0.83%/tháng thì ông và bà C không đồng ý trả do trước đây trong hợp đồng mua bán được ký kết giữa các bên không có thỏa thuận lãi suất chậm trả.

Bị đơn bà Lê Thị C đồng ý với trình bày của ông Đ.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã căn cứ:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quốc V đối với ông Mai Văn Đ, bà Lê Thị Chấn .

Cụ thể tuyên:

1. Buộc ông Mai Văn Đ, bà Lê Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trương Quốc V số tiền 242.646.000 đồng, trong đó tiền gốc là 166.030.000 đồng, tiền lãi là 76.616.000 đồng.

Buộc ông Mai Văn Đ, bà Lê Thị C phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục chịu lãi suất chậm thanh toán phát sinh trên số tiền gốc còn nợ lại từ ngày 10/8/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/8/2024 ông Mai Văn Đ kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với số tiền 166.030.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Đề nghị giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với số tiền 166.030.000 đồng. Đồng thời, ông Đ đề nghị xem lại phần án phí.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn Đ. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo hướng tính lại án phí, do ông Đ được miễn án phí nên bà C phải chịu ½ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của ông Mai Văn Đ; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Bị đơn bà Lê Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị C là phù hợp.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn ông Trương Quốc V với bị đơn ông Mai Văn Đ và bà Lê Thị C có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi, sau khi kết thúc hợp đồng đến nay bị đơn còn nợ số tiền là 166.030.000 đồng. Ông V yêu cầu ông Đ, bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông V số tiền còn nợ này. Ông Đ, bà C thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian hai bên bắt đầu và kết thúc việc mua bán theo thỏa thuận, thừa nhận số tiền còn nợ lại theo thỏa thuận mua bán với ông V là 166.030.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sự thừa nhận của ông Đ, bà C đối với số tiền nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Ông Đ, bà C đồng ý liên đới trả số tiền này cho ông V nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Xét yêu cầu tính lãi chậm thanh toán:

Ông V yêu cầu tính lãi chậm thanh toán trên số tiền gốc 166.030.000 đồng từ 21/12/2019 đến ngày ông Đ, bà C trả xong các khoản nợ với mức lãi suất 0.83%/tháng. Ông Đ, bà C không đồng ý chịu lãi cho rằng do hợp đồng mua bán hai bên không có thỏa thuận lãi chậm thanh toán.

Xét thấy, các bên đều thống nhất tại thỏa thuận bán hàng ngày 02/11/2016 về phương thức thanh toán là "Sau khi xuất bán vịt sẽ thanh toán đủ tiền con giống và thức ăn cho đại lý bằng tiền mặt một lần". Tuy nhiên, sau khi xuất bán vịt thì ông Đ, bà C đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho ông V và để phát sinh số tiền nợ 166.030.000 đồng.

Căn cứ khoản 1, Điều 357 Bộ luật dân sự quy định:

"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả."

Như vậy, sau thời điểm xuất bán vịt nhưng ông Đ, bà C không trả đầy đủ số tiền thức ăn cho ông V theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông V yêu cầu tính tiền lãi do chậm thanh toán là có căn cứ chấp nhận.

[2.1] Về mức lãi suất chậm thanh toán:

Các bên thừa nhận không có thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán.

Căn cứ khoản 2, Điều 357 Bộ luật dân sự quy định:

"2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự xét thấy lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 0.83% tháng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.2] Về thời gian tính lãi chậm thanh toán:

Ông V yêu cầu tính lãi từ ngày 21/12/2019 đến ngày ông Đ, bà C trả xong các khoản nợ với mức lãi suất 0.83%/tháng. Các bị đơn thừa nhận tại thời điểm ngày 21/12/2019 thì ông Đ và bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ông V. Do đó, ông V yêu cầu tính lãi bắt đầu từ ngày 21/12/2019 đến ngày thanh toán xong các khoản nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về số tiền gốc tính lãi chậm thanh toán:

Tại thời điểm chốt nợ ngày 21/12/2019 thì số tiền ông Đ, bà C còn nợ lại ông V là 166.030.000 đồng nên ông V yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc này là có cơ sở.

Số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 09/8/2024 là: 166.030.000 đồng x 0.83% x 55 tháng 18 ngày = 76.616.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc, lãi còn nợ là: 166.030.000 đồng + 76.616.000 đồng = 242.646.000 đồng. Do đó, buộc ông Đ, bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông V số tiền này.

[2.4] Ông Đ kháng cáo cho rằng trong hợp đồng mua bán giữa các bên không có thỏa thuận lãi nên không đồng ý trả lãi.

Do bị đơn đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong một khoảng thời gian dài. Ngoài ra, từ những căn cứ tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự đã dẫn chứng ở trên thì yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật. Kháng cáo của bị đơn ông Đ là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn Đ là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: *"...Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận...."*. Bị đơn ông Mai Văn Đ, bà Lê Thị C có nghĩa vụ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 12.132.000 đồng.

Do ông Mai Văn Đ thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 5, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: *"...Trong vụ án có người không phải chịu án phí hoặc được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm thì những người khác vẫn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều này..."*. Vì vậy, bà Lê Thị C phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.132.000 đồng.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[5] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị ông Mai Văn Đ phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn Đ đối với yêu cầu không chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với số tiền 166.030.000 đồng.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quốc V đối với ông Mai Văn Đ, bà Lê Thị Chấn .

Buộc ông Mai Văn Đ, bà Lê Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trương Quốc V số tiền 242.646.000 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 166.030.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu không trăm ba mươi nghìn đồng), tiền lãi là 76.616.000 đồng (bảy mươi sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị C phải chịu số tiền là 12.132.000 đồng (mười hai triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Ông Mai Văn Đ thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

H lại cho ông Trương Quốc V số tiền tạm ứng án phí là 5.977.000 đồng (năm triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002138 ngày 20/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Mai Văn Đ thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng